

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1. Nêu tóm tắt thuận lợi, khó khăn của địa phương.

* *Thuận lợi*: Phường Yên Thanh có vị trí địa lý: Phía Đông giáp phường Quang Trung, Phía Tây giáp phường Phương Đông, Phía Nam giáp sông Đá Bạc, Phía Bắc giáp phường Thanh Sơn. Có diện tích tự nhiên: 1.444,05 ha nằm ở trung Thành phố Uông Bí. Có 6 khu dân cư, 33 tổ dân phố; Dân số thường trú là 10.168 người với 2771 hộ dân.

Yên Thanh là phường có vị trí địa lý tự nhiên thuận lợi về giao thông kết nối vùng; được quan tâm đầu tư phát triển xây dựng hạ tầng, đường giao thông, khu đô thị, triển khai lập, thực hiện một số quy hoạch; phát triển đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Do vậy địa phương có điều kiện phát triển đa dạng ngành nghề như: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ - du lịch, sản xuất nông nghiệp chăn nuôi, thủy sản. Văn hóa - Xã hội ngày được nâng lên, 6/6 khu có nhà sinh hoạt cộng đồng; Các trường học được đầu tư kiên cố hóa, trong đó 4/5 trường được công nhận chuẩn quốc gia, giữ vững chuẩn quốc gia. Trạm Y tế phường duy trì và đáp ứng tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của chính quyền được nâng lên có sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của các phòng, ban, ngành, đoàn thể của thành phố. Đảng bộ, chính quyền phường đoàn kết, thống nhất trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, sự đồng thuận của đông đảo các doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân là điều kiện thuận lợi để triển khai nhiệm vụ năm học

* *Khó khăn*: Ý thức, trách nhiệm của một số ít người dân chưa đáp ứng được yêu cầu sự đổi mới trong triển khai nhiệm vụ của phường, nên đời sống của một bộ phận nhân dân cũng còn gặp nhiều khó khăn.

An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tuy giữ vững song còn tiềm ẩn phức tạp; đơn thư, khiếu nại liên quan đến đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng còn tiếp tục tập trung giải quyết làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

2. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục.

- Bộ phận lớn dân cư thu nhập kinh tế chủ yếu từ nông, ngư nghiệp, thuyền chài và lao động tự do mức thu nhập thấp nên Công tác xã hội hoá tại địa phương còn hạn chế.

- Diện tích một số trường còn hạn hẹp nên khó khăn trong việc xây thêm phòng học, phòng chức năng (TH Yên Thanh, MN Yên Thanh)

II. Quy mô trường, lớp, học sinh

- Chi tiết theo các Phụ lục: QM-MN

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024

1.1. Quy mô cơ sở giáo dục

- Tổng số cơ sở giáo dục, trong đó chia ra theo loại hình: công lập, tư thực

+ Số trường: 02 (công lập: 01, tư thực: 01)

+ Số nhóm lớp độc lập: 6 nhóm

+ Nhóm trẻ GD: 2 nhóm

- Tổng số điểm trường: 01

1.2. Quy mô số lớp, số trẻ

Tổng số lớp, số trẻ, trong đó chia ra theo loại hình: công lập, tư thực

- Số nhóm lớp: 33 (Công lập: 10; Trường Song ngữ Vân Anh: 11; tư thực: 12 lớp (2NTGD))

+ Nhóm trẻ: 9 (Công lập: 02; Trường Song ngữ Vân Anh: 03; tư thực: 04)

+ Lớp mẫu giáo: 24 (Công lập: 08; Trường Song ngữ Vân Anh: 08; tư thực: 08 lớp)

- Số trẻ ra trường lớp: 729 trẻ (Công lập: 243; Trường Song ngữ Vân Anh: 209; tư thực: 277 trẻ)

+ Trẻ nhà trẻ: 168 trẻ (Công lập: 48; Trường Song ngữ Vân Anh: 43; tư thực: 77 trẻ)

+ Trẻ mẫu giáo: 561 (Công lập: 195; Trường Song ngữ Vân Anh: 166; tư thực: 200 trẻ), trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 183 trẻ (Công lập: 81; Trường Song ngữ Vân Anh: 45; tư thực: 57 trẻ)

1.3. Thành lập mới năm học 2023-2024: Không

2. Kế hoạch năm học 2024-2025

2.1. Quy mô cơ sở giáo dục

- Tổng số cơ sở giáo dục, trong đó chia ra theo loại hình: công lập, tư thực

+ Số trường: 02 (công lập: 01, tư thực: 01)

+ Số nhóm lớp độc lập: 6 nhóm

+ Nhóm trẻ GD: 2 nhóm

2.2. Quy mô số lớp/nhóm lớp, số trẻ

Tổng số lớp, số trẻ, trong đó chia ra theo loại hình: công lập, tư thực

- Số nhóm lớp: 33 (Công lập: 10; Trường Song ngữ Vân Anh: 11; tư thực: 12 lớp (2NTGD))

+ Nhóm trẻ: 9 (Công lập: 02; Trường Song ngữ Vân Anh: 03; tư thực: 04)

+ Lớp mẫu giáo: 24 (Công lập: 08; Trường Song ngữ Vân Anh: 08; tư thực: 08 lớp)

- Số trẻ ra trường lớp: 765 trẻ (Công lập: 256; Trường Song ngữ Vân Anh: 230; tư thực: 279 trẻ)

+ Trẻ nhà trẻ: 185 trẻ (Công lập: 50; Trường Song ngữ Vân Anh: 60; tư thực: 75 trẻ)

+ Trẻ mẫu giáo: 580 (Công lập: 206; Trường Song ngữ Vân Anh: 170; tư thực: 204trẻ), trong đó trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 189 trẻ (Công lập: 82; Trường Song ngữ Vân Anh: 50; tư thực: 57 trẻ)

2.3. Dự kiến thành lập mới, sáp nhập, chia tách, giải thể cơ sở giáo dục: Không

2.4. Nhận xét, đánh giá (có so sánh tăng/giảm quy mô so với năm học trước).

- Số trường, nhóm lớp không tăng, không giảm vẫn giữ nguyên so với năm trước

- Số học sinh có tăng nhẹ ở trường công lập và trường tư thực. Các nhóm lớp tư thực vẫn giữ nguyên.

III. Việc huy động học sinh

(Chi tiết theo các Phụ lục: HD-MN)

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024

1.1. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non: chi tiết theo từng độ tuổi, trong đó:

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp:

+ Tỷ lệ trẻ nhà trẻ: 168/330 đạt 50.9%

+ Tỷ lệ trẻ mẫu giáo: 561/602 đạt 93.2%

+ Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 183/183 đạt 100%

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ là người DTTS

- Tỷ lệ huy động trẻ là người DTTS học MG: 5 tuổi; dưới 5 tuổi

+ Tỷ lệ trẻ mẫu giáo: 03/03 đạt 100%

+ Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 01/01 đạt 100%

- Tỷ lệ huy động trẻ mầm non học 2 buổi/ngày: 729/729 đạt 100%

1.2. Tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình: 183/183 đạt 100%

1.3. Công tác phổ cập giáo dục mầm non: Đạt phổ cập 5 tuổi

2. Kế hoạch năm học 2024 - 2025

2.1. Tỷ lệ huy động trẻ mầm non: chi tiết theo từng độ tuổi, trong đó:

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp:

+ Tỷ lệ trẻ nhà trẻ: 185/335 đạt 52.2%

- + Tỷ lệ trẻ mẫu giáo: 580/601 đạt 96.5%
- + Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 189/189 đạt 100%
- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ là người DTTS
- Tỷ lệ huy động trẻ là người DTTS học MG: 5 tuổi; dưới 5 tuổi
- + Tỷ lệ trẻ mẫu giáo: 03/03 đạt 100%
- + Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi: 01/01 đạt 100%
- Tỷ lệ huy động trẻ mầm non học 2 buổi/ngày: 765/765 đạt 100%

2.2. Tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình: 189/189 đạt 100%

2.3. Công tác phổ cập giáo dục mầm non: Đạt phổ cập 5 tuổi

2.4. Nhận xét, đánh giá

- Số trường, nhóm lớp không tăng, không giảm vẫn giữ nguyên so với năm trước
- Số học sinh có tăng nhẹ ở trường công lập và trường tư thục. Các nhóm lớp tư thục vẫn giữ nguyên.

IV. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Chi tiết theo các Phụ lục : BC-MN.
- Số liệu báo cáo chi tiết theo từng cấp học; đối với khối GDTX, bao gồm: TT GDNN-GDTX, trung tâm ngoại ngữ - tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

1. Kết quả năm học 2023 - 2024

1.1. Số lượng người làm việc, Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo NĐ111 được giao
Tổng số NLV được giao: 30 người,

trong đó: cán bộ quản lý: 3 người, giáo viên: 22 người, nhân viên: 2 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 3 người (bảo vệ, vệ sinh).

1.2. Thực trạng đội ngũ năm học 2023 - 2024

- Tổng số NLV có mặt (đến tháng 12/2023): 30 người

trong đó: cán bộ quản lý: 3 người, giáo viên: 22 người, nhân viên: 2 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 3 người (bảo vệ, vệ sinh).

- Tỷ lệ GV đạt chuẩn và trên chuẩn (tính cả biên chế và hợp đồng): 100%

- Tỷ lệ GV/lớp/nhóm lớp (tính cả biên chế và hợp đồng): 2,2 người/lớp/nhóm lớp

1.3. Kết quả bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

100% CB. GV, NV được học bồi dưỡng thường xuyên hàng năm

1.4. Đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018: Đội ngũ, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện nay trong việc bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ để thực hiện chương trình GDPT 2018.

1.5. Tình hình triển khai thực hiện Đề án tự chủ đã được phê duyệt

*/Kết quả đạt được: Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã góp phần thúc đẩy các cơ quan chủ động, sáng tạo trong việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bố trí và sử dụng cán bộ, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị cũng như tiết kiệm kinh phí, tăng cường cơ sở vật chất và thu nhập cho cán bộ, viên chức.

- Kinh phí được giao (tổng số): 3417 triệu đồng.

Trong đó: * Kinh phí thực hiện tự chủ: 522,82 triệu đồng

- Số kinh phí thực hiện: 3.326 triệu đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được: 91 triệu đồng

*/Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân: Do đặc thù của trường mầm non là số trẻ không đi học đều nên việc xác định biên chế, xác định mức kinh phí giao khoán gặp nhiều khó khăn.

*/đề xuất giải pháp:

Cần phối hợp trong việc giao định biên trong đó cần thống nhất thực hiện theo một tiến trình bao gồm các giai đoạn hợp lý

2. Kế hoạch năm học 2024 - 2025

2.1. Tổng số người làm việc theo định biên, trong đó: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Số hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo NĐ111

-Tổng số NLV có mặt (đến tháng 12/2023): 30 người

trong đó: cán bộ quản lý: 3 người, giáo viên: 22 người, nhân viên: 2 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 3 người (bảo vệ, vệ sinh).

2.2. Tổng số người làm việc có mặt dự kiến (đến tháng 9/2024), trong đó: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Số hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo NĐ111

-Tổng số NLV có mặt (đến tháng 9/2024): 30 người

trong đó: cán bộ quản lý: 3 người, giáo viên: 22 người, nhân viên: 2 người, hợp đồng hỗ trợ phục vụ: 3 người (bảo vệ, vệ sinh).

2.3. Kế hoạch đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018

2.4. Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tiếp tục thực hiện bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên

2.5. Kế hoạch thực hiện Đề án tự chủ năm học 2024 – 2025

- Tiếp tục thực hiện đề án tự chủ theo quyết định được phê duyệt

- việc triển khai thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP (thay đổi mức thu học phí) đã làm giảm nguồn thu dẫn đến tỷ lệ tự chủ sẽ cao hơn so với Đề án tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023-2025.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc : Đề nghị cấp trên bỏ

sung số kinh phí chênh lệch sau khi thực hiện Nghị định 97/2023/NĐ-CP

3. Nhận xét, đánh giá: Đạt

VI. Tổng hợp kinh phí

- Chi tiết theo các Phụ lục: CDCS 2023, CDCS 2024, Khoản thu, Kinh phí.
- Số liệu báo cáo chi tiết theo từng cấp học.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023 - 2024

1.1. Tổng kinh phí được cấp

- Kinh phí chi thường xuyên, chi cho thanh toán cá nhân. Đạt tỷ lệ:

1.2. Kinh phí không thường xuyên (Không tự chủ)

1.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất

1.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về phòng GDĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương)

1.5. Việc thực hiện tự chủ (số lượng từng đơn vị và tỷ lệ tự chủ).

1.6. Nhận xét, đánh giá:

2. Dự toán năm 2024

2.1. Tổng kinh phí được cấp

- Kinh phí chi thường xuyên, chi cho thanh toán cá nhân. Đạt tỷ lệ:

2.2. Kinh phí không thường xuyên (Không tự chủ) :

2.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất

2.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về phòng GDĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương)

2.5. Việc thực hiện tự chủ. Lưu ý đánh giá tác động trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP (thay đổi mức thu học phí) đối với tỷ lệ tự chủ đã được phê duyệt giai đoạn 2023 - 2025. Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

VII. Kiến nghị, đề xuất

Trường Mầm non Yên Thanh đề nghị các cấp lãnh đạo quan tâm tu sửa nền một số lớp học bị lún, hỏng gạch. Trang cấp mới bộ đồ chơi ngoài trời, để đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Các tổ CM, đoàn thể nhà trường (t/h);
- Lưu VT;



Trương Thị Thúy Nga